

## **THÔNG BÁO**

### **PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2021**

#### **I. Thông tin chung**

Tên trường: Trường Đại học Quy Nhơn

Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Địa chỉ trang web: <http://www.qnu.edu.vn>

Sứ mệnh: Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

#### **II. Phương án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021**

##### **1. Phương thức tuyển sinh: 04 phương thức xét tuyển cho tất cả các ngành**

- Xét tuyển theo học bạ THPT: 35-40% chỉ tiêu.
- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: 50-55% chỉ tiêu
- Xét tuyển thẳng học sinh giỏi quốc gia và học sinh giỏi trường THPT chuyên toàn quốc: 5% chỉ tiêu.
- Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do các Đại học Quốc gia tổ chức: 5% chỉ tiêu.

##### **a) Xét tuyển theo học bạ THPT**

Thí sinh lựa chọn 1 trong những kết quả sau đây để đăng ký xét tuyển:

- Kết quả 3 học kỳ gồm 2 học kỳ năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12
- Kết quả 5 học kỳ gồm các học kỳ năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12
- Kết quả 2 học kỳ năm lớp 12

Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- Đối với các ngành ngoài sư phạm: Tổng điểm trung bình các học kỳ đăng ký xét tuyển của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18,0 điểm trở lên

- Đối với các ngành sư phạm:

Học sinh tốt nghiệp THPT: có học lực lớp 12 xếp loại giỏi (hoặc điểm xét TN THPT từ 8,0 trở lên) và điểm trung bình cộng môn xét tuyển từ 8,0 trở lên.

Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất xét học sinh có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên (hoặc điểm xét TN THPT từ 6,5 trở lên) và điểm trung bình cộng môn xét tuyển từ 6,5 trở lên. Trường hợp thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế (hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc tức từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) và điểm trung bình cộng môn xét tuyển từ 5,0 trở lên.

- Đối với thí sinh xét học bạ vào ngành Giáo dục thể chất, Giáo dục mầm non phải có giấy chứng nhận điểm thi môn năng khiếu do Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các trường đại học khác tổ chức thi môn năng khiếu cấp.

b) Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021

- Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 của thí sinh theo tổ hợp môn xét tuyển. Đối với các ngành sư phạm thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đối với ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục thể chất thí sinh phải đăng ký dự thi môn năng khiếu do Trường Đại học Quy Nhơn tổ chức lấy kết quả tổng hợp với kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển vào đại học.

Ngành	Mã ngành	Môn năng khiếu	Môn thi TN THPT
Giáo dục thể chất	7140206	Bật xa tại chỗ, Lực kế bóp tay, Chạy cự ly ngắn	Toán, Sinh <i>hoặc</i> Toán, Văn <i>hoặc</i> Văn, Sinh <i>hoặc</i> Văn, GD&ĐT
Giáo dục mầm non	7140201	Hát, Đọc diễn cảm	Toán, Văn

c) Tuyển thẳng học sinh giỏi QG và học sinh giỏi trường THPT chuyên trong toàn quốc. Ưu tiên xét tuyển thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế, thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

d) Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của thí sinh do các Đại học Quốc gia tổ chức.

## 2. Các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu dự kiến, tổ hợp xét tuyển và môn chính:

Tổng chỉ tiêu: 6050

STT	Khối	Mã ngành	Tên ngành/ chuyên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
1	I	7140205	Giáo dục chính trị	1600	C00 D01 C19
2	I	7140201	Giáo dục mầm non		M00
3	I	7140206	Giáo dục thể chất		T00 T02 T03 T05
4	I	7140202	Giáo dục Tiểu học		A00 C00 D01
5	I	7140114	Quản lý Giáo dục		A00 C00 D01 A01
6	I	7140219	Sư phạm Địa lý		A00 C00 D15
7	I	7140212	Sư phạm Hoá học		A00 D07 B00
8	I	7140218	Sư phạm Lịch sử		C00 C19 D14
9	I	7140217	Sư phạm Ngữ văn		C00 D14 D15
10	I	7140213	Sư phạm Sinh học		B00 B08
11	I	7140231	Sư phạm Tiếng Anh		D01
12	I	7140210	Sư phạm Tin học		A00 A01 D01
13	I	7140209	Sư phạm Toán học		A00 A01
14	I	7140211	Sư phạm Vật lý		A00 A01
15	III	7340301	Kế toán	940	A00 D01 A01
16	III	7340302	Kiểm toán		A00 D01 A01
17	III	7380101	Luật		C00 D01 C19 A00

18	III	7340101	Quản trị kinh doanh (QT doanh nghiệp; Marketing; KD quốc tế; KD thương mại; Logistics và QTCCU; Thương mại QT)		A00 D01 A01
19	III	7340201	Tài chính – Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp; Quản lý tài chính - Kế toán; TC công và QL thuế; NH và kinh doanh tiền tệ)		A00 D01 A01
20	IV	7440112	Hoá học (Chuyên ngành Kiểm nghiệm và quản lý chất lượng sản phẩm, Hóa học ứng dụng)	210	A00 D07 B00 D12
21	IV	7440122	<i>Khoa học vật liệu (Khoa học vật liệu tiên tiến và công nghệ nano)</i>		A00 A01 A02 C01
22	V	7510401	CN kỹ thuật hoá học (Chuyên ngành Công nghệ môi trường; Công nghệ Hữu cơ - Hóa dầu)		A00 C02 B00 D07
23	V	7580201	Kỹ thuật xây dựng		A00 A01 D07 A02
24	V	7480201	Công nghệ thông tin (Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính)		A00 A01 D01
25	V	7520201	Kỹ thuật điện (2 Chuyên ngành Kỹ thuật điện – điện tử; Kỹ thuật điện và CNTT)		A00 A01 D07 A02
26	V	7520207	KT điện tử - viễn thông (Hệ thống nhúng và IoT, Điện tử - viễn thông)	1600	A00 A01 D07 A02
27	V	7480103	Kỹ thuật phần mềm		A00 A01
28	V	7620109	Nông học		B00 B03 B04 C08
29	V	7460112	Toán ứng dụng (Khoa học dữ liệu)		A00 A01 D01 D07
30	V	7540101	Công nghệ thực phẩm		A00 B00 D07 C02
31	V	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH		A00 A01 D07 A02
32	VII	7760101	Công tác xã hội		C00 D01 D14
33	VII	7310608	Đông phương học (Nhật Bản học; Trung Quốc học)		C00 C19 D14 D15
34	VII	7310101	Kinh tế (Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển)		A00 D01 A01
35	VII	7220201	Ngôn ngữ Anh		D01 A01 D14 D15
36	VII	7850103	Quản lý đất đai (Chuyên ngành Quản lý thị trường bất động sản; Quản lý đất đai)		A00 B00 C04 D01
37	VII	7310205	Quản lý nhà nước	1700	C00 D01 C19 A00
38	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		A00 B00 D01 C04
39	VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		A00 A01 D01 D14
40	VII	7810201	Quản trị khách sạn		A00 A01 D01
41	VII	7310403	Tâm lý học giáo dục		A00 C00 D01 C19
42	VII	7229030	Văn học (chuyên ngành Báo chí)		C00 D14 D15 C19
43	VII	7310630	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)		C00 D01 D15 C19
44	VII	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc		D04 D01 D15 A01
45	V	7510205	<i>Công nghệ kỹ thuật ô tô (Dự kiến)</i>		A00 A01

Môn chính (nhân hệ số 2 khi xét tuyển):

- Các ngành Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh: môn chính là môn Tiếng Anh
- Ngành Giáo dục thể chất: môn chính là môn Năng khiếu GDTC
- Ngành Toán ứng dụng: môn chính là môn Toán.

### 3. Học phí:

- Các ngành sư phạm: thực hiện theo chính sách của Nhà nước.
- Các ngành Khoa học xã hội – nhân văn, Kinh tế, Ngoại ngữ (4 năm): khoảng 12 triệu/ năm.
- Các ngành Khoa học tự nhiên, du lịch, CNTT (4 năm): khoảng 14 triệu/năm
- Các ngành kỹ sư (4,5 năm): khoảng 15 triệu/ năm.

(Học phí nộp theo tín chỉ đăng ký học, đơn giá tín chỉ không thay đổi trong khóa học).

## III. Phương án tuyển sinh đại học hệ vừa làm vừa học năm 2021

### 1. Tuyển sinh đại học vừa làm vừa học

#### 1.1. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật. Tính đến thời điểm xét tuyển, đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

1.2. *Phương thức tuyển sinh*: xét tuyển theo học bạ THPT lớp 12

1.3. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

- Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 15,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

1.4 *Các ngành và chỉ tiêu tuyển sinh*: **70**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển			
1.	7310205	Quản lý nhà nước	70	A00	C00	C19	D01
2.	7380101	Luật		A00	C00	C19	D01
3.	7340101	Quản trị kinh doanh		A00	A01	D01	
4.	7340301	Kế toán		A00	A01	D01	

## 2. Tuyển sinh đào tạo đại học đối với người có bằng đại học

2.1. *Đối tượng tuyển sinh*

Người có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên nay học đại học ngành khác.

2.2. *Phương thức tuyển sinh*: xét tuyển theo hồ sơ

2.3. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

a) Đối với các ngành đào tạo giáo viên (sư phạm)

Thí sinh đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên, có nhu cầu học liên thông để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72, Luật Giáo dục năm 2019, ngưỡng xét tuyển theo điểm trung bình học tập toàn khóa của trình độ đã đào tạo từ 5,0 điểm trở lên hoặc xếp loại bằng tốt nghiệp trừ trung bình trở lên;

b) Đối với các ngành khác

+ Thí sinh đã có bằng đại học cùng nhóm ngành, xét tuyển theo điểm trung bình học tập của trình độ đại học, ngưỡng xét tuyển từ 5,0 điểm trở lên, điểm trúng tuyển từ cao đến đủ chỉ tiêu.

2.4. *Các ngành và chỉ tiêu tuyển sinh*: **220**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ghi chú
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	20	
2	7140201	Giáo dục Mầm non		
3	7140114	Quản lý giáo dục	20	
4	7480201	Công nghệ thông tin	20	
5	7850103	Quản lý đất đai	10	
6	7310205	Quản lý nhà nước	10	
7	7220201	Ngôn ngữ Anh	40	
8	7340101	Quản trị kinh doanh	30	

9	7340301	Kế toán	30	
10	7340201	Tài chính – Ngân hàng	20	
11	7510103	CN kỹ thuật xây dựng	10	
12	7520201	Kỹ thuật điện	10	

### 3. Tuyển sinh liên thông vừa làm vừa học từ TC, CĐ lên ĐH

#### 3.1. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; người có bằng tốt nghiệp trình độ CĐ trở lên;

#### 3.2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo hồ sơ

#### 3.3 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

##### a) Đối với các ngành đào tạo giáo viên (sư phạm)

+ Thí sinh đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên, có nhu cầu học liên thông để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72, Luật Giáo dục năm 2019, điều kiện dự tuyển là phải có bằng trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên. Ngưỡng xét tuyển theo điểm trung bình học tập toàn khóa của trình độ đã đào tạo từ 5,0 điểm trở lên hoặc xếp loại bằng tốt nghiệp từ trung bình trở lên;

+ Các đối tượng khác phải có một trong các tiêu chí sau: học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên hoặc tốt nghiệp THPT loại giỏi hoặc có học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ, hoặc trình độ ĐH đạt loại giỏi; hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ, hoặc trình độ ĐH đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

##### b) Đối với các ngành khác

+ Thí sinh đã có bằng trung cấp, cao đẳng trở lên cùng nhóm ngành, xét tuyển theo điểm trung bình học tập của trình độ đã được đào tạo, ngưỡng xét tuyển từ 5,0 điểm trở lên, điểm trúng tuyển từ cao đến đủ chỉ tiêu.

#### 3.4. Các ngành và chỉ tiêu tuyển sinh: 1525

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ghi chú
1.	7310403	Tâm lý học giáo dục	20	
2.	7140114	Quản lý giáo dục	10	
3.	7480201	Công nghệ thông tin	10	
4.	7850103	Quản lý đất đai	30	
5.	7310630	Việt Nam học	20	
6.	7310205	Quản lý nhà nước	40	
7.	7760101	Công tác xã hội	30	
8.	7380101	Luật	30	

9.	7340101	Quản trị kinh doanh	10	
10.	7340301	Kế toán	10	
11.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	20	
12.	7520201	Kỹ thuật điện	20	
13.	7510103	CN kỹ thuật xây dựng	20	
14.	7620109	Nông học	30	
15.	7510401	CN kỹ thuật hóa học	20	
16.	7810201	Quản trị khách sạn	30	
17.	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	30	
18.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	30	
19.	7140202	Giáo dục Tiểu học	1115	
20.	7140201	Giáo dục Mầm non		
21.	7140205	Giáo dục Chính trị		
22.	7140206	Giáo dục Thể chất		
23.	7140209	Sư phạm Toán học		
24.	7140210	Sư phạm Tin học		
25.	7140211	Sư phạm Vật lý		
26.	7140212	Sư phạm Hoá học		
27.	7140213	Sư phạm Sinh học		
28.	7140217	Sư phạm Ngữ văn		
29.	7140218	Sư phạm Lịch sử		
30.	7140219	Sư phạm Địa lý		
31.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh		

#### 4. Các nội dung khác

4.1. Lệ phí xét tuyển: 400.000 đồng/hồ sơ.

4.2. Học phí dự kiến: cụ thể trong các thông báo tuyển sinh.

4.3. Quy trình liên kết đào tạo:

Việc tuyển sinh và đào tạo đại học vừa làm vừa học tuân thủ theo yêu cầu của Quy chế đào tạo và Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trình tự, thủ tục và hồ sơ liên kết: Đơn vị liên kết khảo sát nhu cầu của địa phương và làm Công văn gửi Trường Đại học Quy Nhơn đề nghị mở lớp. Đơn vị liên kết gửi về Trường Đại học Quy Nhơn Công văn của UBND tỉnh, thành phố cho phép đơn vị liên kết đào tạo đại học hình thức VLVH. Trường Đại học Quy Nhơn sẽ gửi công văn phúc đáp và thông báo tuyển sinh sau khi nhận được công văn cho phép mở lớp của UBND tỉnh. Tổ chức xét tuyển và công nhận thí sinh trúng tuyển vào Trường Đại học Quy Nhơn. Ký hợp đồng đào tạo và tổ chức đào tạo bậc đại học theo Hợp đồng đã ký.

4.4. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Tháng 3, 6, 9, 12/2021. Chi tiết theo thông báo trên website của trường tại địa chỉ [www.qnu.edu.vn](http://www.qnu.edu.vn).

**Nơi nhận:**

- Đăng website;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, ĐTDH.



**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG  
PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ**